

Phẩm : BỒ ĐỀ

- 1) Tên Bồ-tát: hạnh nguyện của Bồ-tát.
- 2) Cõi nước: lý chứng đạt.
- 3) Tên Phật: trí đạt được.
- 4) Phương hướng pháp chứng.
- 5) Thành tựu hạnh nguyện của mười tín.
- 6) Sự giống khác của mười tín.

Phẩm: HIỀN THỦ

Có năm phần. Tên phẩm: Hiền Thủ: (tên Bồ-tát đặt theo hạnh nguyện, tên phẩm đặt theo pháp và hạnh mà Bồ-tát thuyết giảng) Tin hiểu nhân quả của Như Lai, hạnh Phổ Hiền và năm vị. Tâm nhu thuận, tỉnh giác, chân thật, thích làm lành lợi ích chúng sanh. Từ phẩm phu thông đạt nhân quả lý trí của pháp giới, thành tựu lòng tin bằng nhân quả của Phật, Văn Thù, Phổ Hiền. Nghĩa phẩm: công đức hạnh nguyện hướng đến quả Phật của mười tín. Tông chỉ: phát lòng tin, đạt phước đức. Sự tiến thoái của mười tín: có hai cách giải thích. Về ba thừa, ba cách phát tâm trong luận khởi tín: thành tựu lòng tin, tin hiểu tu hành, chứng ngộ. Thành tựu lòng tin: từ thân chúng sanh tu tập căn lành, tin nghiệp quả, chán khổ sanh tử, cầu pháp bồ đề vô thượng, được gặp Phật, phụng sự cúng dường, tu tập suốt một kiếp. Hoặc từ tâm bi phát tâm tu tập, hoặc phát tâm hộ pháp khi chánh pháp sắp diệt. Người phát tâm nhập chánh định tu không thoái chuyển, đủ nhân an trụ pháp Như Lai. Tin hiểu: suốt một kiếp tu tập, Bồ-tát hiểu rõ pháp chơn như, tu nhưng không chấp tướng. Chứng nhập: chơn như là pháp mà từ khi thanh tịnh tâm đến lúc trọn vẹn hạnh Bồ-tát chứng nhập. Cảnh giới là do thức chuyển, ở đây không có cảnh giới, chỉ có trí chơn như, pháp thân. Luận Khởi tín dạy: nếu chúng sanh những kẻ đầy đầy phiền não tu tập pháp lành nhỏ gặp Phật cúng dường thì đạt quả trời người nhị thừa. Đối với pháp đại thừa, chúng sanh không kiên định. Người phát tâm bằng cách nương người khác, nương pháp nhị thừa, hạnh giải không thật, còn thấy chứng đắc đều là người còn thoái chuyển. Hơn nữa: có bốn phương tiện để người tu tập pháp lành, tùy thiện pháp chơn như:

1) Căn bản: quán tánh các pháp không sanh, đoạn vọng kiến, không trụ sanh tử, biết pháp do duyên sanh, nghiệp quả tương xứng, phát lòng bi tu tập phước đức, độ sanh, không an trụ Niết-bàn.

2) Chỉ: hối hận những lỗi lầm không để pháp ác tăng trưởng. Vì tánh pháp không tội lỗi.

3) Phát khởi căn lành: siêng năng cúng dường Tam Bảo, khen ngợi, vui vẻ với việc làm ấy, tăng trưởng lòng tin, cầu đạo vô thượng, nhờ oai lực của Tam Bảo tiêu trừ nghiệp chướng, kiên cố căn lành. Vì

tánh pháp không chướng hoặc.

4) Bình đẳng: thế độ tất cả chúng sanh đạt Niết-bàn vô dư. Vì tánh pháp rộng lớn bình đẳng cùng khắp, không hai, không phân biệt, luôn tịnh định. Phát tâm như vậy, Bồ-tát thấy được một phần pháp thân, hiện tám tướng thành đạo, lợi ích chúng sanh nhưng Bồ-tát chưa chứng được

pháp thân vì chưa đoạn nghiệp quá khứ, còn khổ vi tế. Việc thấy một phần pháp thân chính là đạt mười trụ... sau vị tín. Bồ-tát ba thừa viên mãn vị tín đạt trụ thứ một, nhờ nghiệp lực thành tựu quả Phật. Về nhưt thừa: ở Kinh này, Bồ-tát mười tín phát tâm: nương quả Phật và sự dung nhiếp nhân quả vô tận của trí căn bản. Tin hạnh quả viên mãn của Phật ở diện Phổ quang thuộc lần thuyết pháp thứ hai là tự tin, nhập mười cõi Kim Sắc... là lý tự giác; Phật Bất Động... là trí Phật nơi tâm. Vi Thù là trí vi diệu của tâm. Thông đạt tánh tướng thể dụng của các đức Phật ba đời là phát tâm. (Ý nghĩa của sáu phẩm như đã nói ở trước). Bồ-tát mười tín nương pháp giới, trí nhưt thiết phát tâm, không nương Phật, pháp Phật, Bồ-tát, pháp Bồ-tát, thanh văn duyên giác, pháp thế xuất thế phát tâm. Trong ba thừa, người phát tâm bồ đề bằng cách nương tựa pháp hữu vi vị này không nương quả Phật sau ba-tăng-kỳ kiếp, quả Phật ba đời để phát tâm vì thế không thoái chuyển. Những ai chưa thuần thực thì còn thoái chuyển. Mười tín mười trụ Không thoái chuyển vì tin thân mình là Phật, không phân biệt mình người. Từ trí không trụ của Phật huyễn hóa cái pháp trang nghiêm nhưng tánh pháp giới rộng lớn cùng khắp như ảnh với hình thổ tánh giống nhau. Trí thân các đức Phật như bóng, pháp Phật như vang, tin hiểu như thế là thành Phật không thoái chuyển. Thân tâm cảnh giới đều là pháp giới, thể dụng lý trí an trụ nơi nào và thoái chuyển nơi nào? Nếu thân tâm có nơi nương dừng, không chứng đắc, tất cả sự phân biệt như tiếng vang trong không trung tùy vật cản thành tiếng. Tin hiểu như vậy thì không thoái chuyển. Người phát tâm chấp hình tướng là còn thoái chuyển. Vì thế người phát tâm trong luận Khởi tín phần nhiều bị thoái chuyển. Người nương trí Phật, thừa vô thượng phát tâm, vĩnh viễn không thoái chuyển. Người thoái chuyển là người chưa thành tựu lòng tin, chấp pháp, còn phân biệt, như câu Bồ-tát trải qua vô số kiếp... (như trước). Bồ-tát Phổ Hiền nói: Người nghe pháp Như Lai dù không tin vẫn gieo hạt giống trí Kim Cang. Người nương nhân vô thượng thì không thoái chuyển. Người nương nhân thành Phật hiện tại là người chưa tin. Nghĩa văn: Nghĩa phẩm: 14 đoạn:

1) (2 hàng kệ) Văn Thù xin giảng công đức phát tâm bồ đề.

2) (714 hàng kệ) Bồ-tát Hiền Thủ trả lời. (3,5 hàng sau: sự cảm ứng của pháp).

3) (8 hàng kệ) công đức phát tâm rộng lớn khó lường, tùy khả năng thuyết giảng một phần. Vì tâm bồ đề không thể đo lường thì công

đức cũng thế.

4) (6 hàng) nhân phát tâm.

5) (18 hàng) lợi ích do tin Tam Bảo.

6) (95 hàng) tinh tấn tu hành đạt quả tương xứng.

7) (151 hàng) Bồ-tát đạt quả, giáo hóa chúng sanh, tự tại cúng dường.

8) (160 hàng) nhân quả phóng ánh sáng.

9) (20 hàng) nơi phóng ánh sáng và sự khác nhau của ánh sáng.

10) (11 hàng) định tự tại, tự nhập xuất định Đại Phương Vông, tùy nghiệp, chúng sanh thấy biết khác nhau. Các đức Phật tự tại đạt đạo, tùy thuận chúng sanh nhưng tâm Như Lai vốn không tạo tác, trí tùy thuận không đến đi như vang theo tiếng, như nước thấm nhuần cỏ cây, như mùa xuân giúp cây cỏ đâm chồi nảy lộc, như cá rồng trong nước, như cây trong đất, như lửa nấu chín thức ăn, như hơi thở của con người. Đó là ví dụ trí chơn như không vọng chấp. Vì vọng chấp nên dù đạt một phần đạo xuất thế vẫn chưa tự tại.

11) (158 hàng) 20 ví dụ.

12) (14 hàng) tin mình đủ trí Phật.

13) (4 hàng) tin tu đạt phước.

14) (3,5 hàng) Bồ-tát Hiền Thủ thuyết pháp cảm ứng các đức Phật. Nghĩa văn đã rõ. Phẩm lên núi Tu di nói pháp mười trụ nhập chơn như thật chứng là phần tựa. Năm phẩm tiếp theo là phần chính. Cuối phẩm minh pháp là phần kết.

----- 13. Phẩm: LÊN NÚI TU DI

Pháp mười trụ gồm sáu phẩm Kinh: lên núi Tu di... minh pháp. Phẩm này có ba phần: Nghĩa phẩm: Đây là sự thăng tiến của mười tín. Biểu pháp: Núi này ở giữa bảy núi, bảy biển... như trước đã nói biểu hiện cho việc không thể dùng tâm sanh diệt chứng đạt pháp mười trụ. Bồ-tát tự tại an trụ nơi định, không suy xét nhiếp phục, xứng lý bình đẳng và pháp thân. Định này làm phát sanh trí vi diệu, đoạn hết vô minh, đạt trí trang nghiêm của Phật, vượt trên vọng tình, hiểu rõ pháp Phật, sanh trong nhà trí Phật, tính tặc đoạn trừ vô minh ba cõi, dần đoạn phiền não. Như câu: cảnh giới Bồ-tát rộng lớn như hư không, Bồ-tát an trụ nhà Phật, như Phật, đủ công đức cảnh giới của Phật, đạt trí hiện thân độ sanh của Phật, vừa phát tâm phát tâm được các đức Phật mười phương khen ngợi, cảm động trời đất. Khác với quan điểm Bồ-tát ba hiền của ba thừa, Bồ-tát này nương trí căn bản của Phật phát tâm, đủ trí Phật ở ba thừa Bồ-tát quán ba Không, nhiếp phục phiền não hiện

hành. Bồ-tát này nương nơi trí Phật phát tâm, dùng trí đoạn tập khí, đạt trí căn bản không đoạn trừ không nhiếp phục. Vì thể dụng tự tại, tự tại an trụ thiền định hành mọi hạnh như Phật, không ra khỏi, không chìm đắm, nước lớn tâm bi như A-tu-la ở biển. Vì sao không lên điện của bốn thiên vương? Vì điện của bốn thiên vương ở bốn bên núi Biện Phong, chưa tiêu biểu cho sự thăng tiến đoạn tướng hiện trí không thoái chuyển. Thiện Tài đạt pháp ở đây cũng thế. Vượt trên vọn tình là núi, không phải lên núi thật. Đạt trí Như Lai chỉ dạy mọi loài, Không phải là Đế Thích thật. Nghĩa Văn, Nghĩa phẩm: thân hạnh rộng lớn của Như Lai (như câu: chúng sanh khắp nơi đều thấy hiện tượng này). 10 đoạn:

- 1) (3 hàng) thần lực kiện khắp mười phương của Phật.
- 2) (1,5 hàng) không rời cội bồ đề, Phật lên cung Đế Thích.
- 3) (7 hàng) thấy Phật đến, Đế Thích trang nghiêm bảo tòa.
- 4) (2 hàng) Đế Thích thỉnh Phật vào cung.
- 5) (3 câu) Như Lai nhận lời.
- 6) (3 hàng) mười phương đều như vậy.
- 7) (1,5 hàng) Nhờ thần lực Phật nhạc trời tự vang.
- 8) (4 hàng) nhớ nghiệp xưa, Đế Thích nói Kệ khen ngợi.
- 9) (2,5 hàng) Đại chúng nói Kệ khen Phật, mười phương đều như thế.

10) (2 hàng) Như Lai an tọa, cung điện tự biến rộng, mười phương như vậy. Nghĩa văn: Không rời cội bồ đề: thổ bồ đề không đến đi xa gần; trí thân Như Lai hiện khắp không trong ngoài, pháp giới đan cài không lớn nhỏ, tâm cảnh là một, các pháp không tánh, một nhiều dung hợp. Đế Thích thấy Phật đến: từ tánh không đến đi Như Lai hiện tướng đến đi. Thể tánh mê ngộ là một. Đế Thích dùng thần lực trang nghiêm cung điện: sự gia hạnh. Tòa sư tử Phổ Quang minh: bảo tòa tùy địa vị phước đức của Đế Thích. Vì mười trụ đạt trí Phật, không lo sợ. Ngân bậc cấp: mười trụ là người mới vào dòng Thánh tâm còn chấp pháp (sự biểu pháp thể hiện sự thăng tiến) Tất cả các vật trang trí trên bảo tòa đều là quả của hạnh (như trước) Đế Thích nghiêng mình: tôn kính Như Lai. Thỉnh Phật vào cung: hạnh khiêm hạ. Như Lai nhận lời: vị tín nhập mười trụ. Nhớ lại căn lành... nhớ sức định thấy mình đủ trí huệ căn lành như các đức Phật. Mười đức Phật là công dụng của mười trụ. Trong 20 hàng kệ, hai hàng đầu khen ngợi Phật Ca Diếp (Ca Diếp ba: ấm quang: ánh sáng thân Phật hơn cả ánh sáng mặt trời mặt trăng và thiên tử) hai hàng tiếp khen ngợi Phật Câu na mâu ni (Ca na mâu ni, Câu na. Kim, mâu ni Phật sắc thân vàng ánh) hai hàng khen ngợi Phật Ca La cưu đà

(Ca la cứu thôn đà: đoạn trừ những gì đáng đoạn) hai hàng khen ngợi Phật Tỳ Xá Phù (Biến nhất thiết tự tại) hai hàng khen ngợi Phật Thi Khí (Thức Khí na: Trì Kế, Hữu Phát) hai hàng khen ngợi Phật Tỳ bà Thi (Tịnh quán, thắng quán, chủng chủng quán) hai hàng khen ngợi Phật Phất Sa (Kính Sa: tăng thanh) hai hàng khen ngợi Phật Đề Xa (Đề Sa: thuyết pháp độ nhơn) hai hàng khen ngợi Phật Ba Đầu ma hoa (Bát Đạt mang: hoa sen đỏ) hai hàng khen ngợi Phật Nhiên Đăng. Ba đức Phật trước thuộc kiếp hiện tại, bảy đức Phật sau thuộc kiếp quá khứ. Vì người đạt mười trụ thấy pháp giống nhau, pháp Phật cũng vậy. Cát Tường: núi phước lành; Thăng tiến: sức định kiên cố như núi, là trí của các đức Phật xưa nay. Bốn hàng kinh từ : như cõi này... phân hành bốn ý: cõi này khen công đức Phật. Mười phương đều như thế. Như Lai vào điện, cung điện tự biến rộng. Vì đức của Phật không phân biệt mình người nên đại chúng đều thấy và đạt vị.

14 Phẩm: **TRÊN NÚI TU DI NÓI KỆ KHEN NGỢI**

Có bốn phần: Tên phẩm: mười Bồ-tát tùy pháp tu chứng nói Kệ khen ngợi để Bồ-tát có trọn vẹn lòng tin chứng nhập. Vì các đức Phật xưa nay đều đủ trí bi. Bồ-tát này là đức Phật vị lai, xứng hợp các đức Phật. Nghĩa Phẩm: Bồ-tát mười trụ nói Kệ khen ngợi để mười tín nhập mười trụ. (khen ngợi Phật quá khứ, hiện tại) mười đức Phật là Phật quá khứ, Đức Tỳ lô giá na là Phật hiện tại. Người tu hành nhập vị là Phật vị lai (Nghĩa sáu phẩm như trước) Nghĩa Văn: nghĩa phẩm 11 đoạn:

- 1) (19.5 hàng) Phật dùng thần lực tập hợp đại chúng.
- 2) (10 hàng Kệ) Bồ-tát pháp huệ khen ngợi Phật.
- 3) (10 hàng Kệ) pháp không tướng là pháp chơn thật.
- 4) (10 hàng) phàm phu không hiểu tánh chơn thật của năm uẩn nên phải nghe người thuyết giảng mới rõ.
- 5) (10 hàng) thể tánh các pháp không vọng kiến. Vì vọng kiến không thấy chơn tánh.
- 7) (10 hàng) không có sự đoạn diệt, pháp không có không.
- 8) (10 hàng) ngôn ngữ không biểu đạt được chơn tánh.
- 9) (10 hàng) các pháp không tan hợp.
- 10) (10 hàng) thể của pháp Phật không phân biệt, không tên gọi.
- 11) (10 hàng) tâm bi lợi sanh của Phật. Mười phần Kệ của mười Bồ-tát là pháp dạy người nhập mười trụ không nương tựa, đoạn chấp, an

trụ cảnh Phật. Đoạn một phân thành bảy phần:

- 1) (5.5 hàng) Bồ-tát tập hợp.
- 2) (3.5 hàng) tên cõi nước của Bồ-tát.
- 3) (3 hàng) các đức Phật mà Bồ-tát phụng sự.
- 4) (2 hàng) Bồ-tát hóa hiện bảo tòa an tọa.
- 5) (2 hàng) Bồ-tát nơi mười phương đều thế.

6) (2.5 hàng) Phật phóng ánh sáng từ đầu ngón chân chiếu khắp các cõi (ánh sáng của các vị như trước).

7) (1 hàng) Bồ-tát pháp Huệ nói Kệ khen Phật. Bồ-tát pháp Huệ: người tu. Cõi nhân đà la: pháp tu. Phật Thù Đạt Nguyệt: quả chứng. Bồ-tát trụ thứ một đã có thể hiện thân thành Phật khắp mười phương, chỉ dạy chúng sanh, đạt trí huệ. Trí huệ thông đạt tất cả. Không hiểu một là không hiểu tất cả, hiểu một là hiểu tất cả. Người đáng độ tự thoát mê trí huệ hiện khắp. Vì sự sâu rộng của mê ngộ nên dùng số bụi để so sánh. Phật Thù Đạt Nguyệt: thanh tịnh, Bồ-tát sanh vào nhà trí Phật, dập tắt lửa phiền não vô minh từ vô thủy, đủ trí sáng thanh tịnh như mặt trăng. (Tên Phật, Bồ-tát, cõi nước của các vị đều tùy từng địa vị) mười Bồ-tát là người tịnh tu phạm hạnh với các đức Phật. Vì mỗi vị đều từ trí huệ pháp thân của mình thanh tịnh phiền não. Trí huệ hiển hiện, hạnh nguyện thanh tịnh. Vì thế pháp tánh trí huệ tự tại không sanh diệt và đó là quả Phật của tự tâm. Vì thế người phát tâm nên nương pháp nơi tự thân. Mỗi vị đều hóa hiện tòa sư tử. Bồ-tát Pháp Huệ ở phía đông là điều kiện đầu nhập vị đoạn hoặc sau khi phát tâm chỉ dạy mọi loài. Tòa ấy là tòa quả Phật, chuyển vô minh phiền não thành trí lớn, chuyển tâm cảnh thành pháp giải thoát. Kiết già phu tọa: chuyển vọng thành chơn. mười Bồ-tát này chính là Bồ-tát mười tín, nhưng phân biệt để chỉ dạy kẻ hậu học vì thế lần thứ một nêu thiên thần đạt quả Phật khuyên chúng sanh tu tập, đạt trí huệ Phật. Lần thứ hai nêu Phật Bất Động là thành tựu lòng tin. Kế đó nêu pháp năm vị để chúng sanh tin hiểu. Nếu không như thế, chúng sanh tuy hiểu pháp nhưng không hiểu hạnh nguyện. Vì vậy, bộ Kinh này nêu rõ nhân, quả, lý, trí, giáo, hạnh, người tu, pháp chứng, để kẻ hậu học không đi sai đường. Tâm đạt chơn, thấy đạo của mười trụ chính là quả giác ngộ của các vị sau. Như 10 người con, người sanh trước là lớn.

